

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 21 - 9 - 2017

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Lung

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Bà Hoàng Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Xương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2017/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 172/2017/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Bích P (B), sinh năm 1992; địa chỉ: ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Dương Thị H, văn phòng Luật sư Dương Thị H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Bị đơn: Anh Ngô Bá L, sinh năm 1986; địa chỉ: đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Người kháng cáo: Chị Trương Bích P - là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trương Bích P trình bày: Chị và anh Ngô Bá L có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/3/2013. Trong quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh L không tin tưởng chị về vấn đề kinh tế gia đình, mặc dù anh, chị đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nhiều hơn, vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay. Chị và anh L có 01 người con chung tên Ngô Thị Bích N, sinh ngày 26/11/2013, hiện cháu N đang sống với chị.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh L và xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung, người khác nợ vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Bá L xác nhận, về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, người khác nợ vợ chồng đúng như lời trình bày của chị P. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, chị P không làm tròn trách nhiệm người vợ, người mẹ, quen ăn chơi, không biết chăm lo cho gia đình, tính tình ngang bướng, cộc cằn và không thật thà trong vấn đề kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi nhau, mặc dù gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần không thành mà mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn nên vợ chồng anh đã ly thân từ cuối năm 2014. Nay anh đồng ý ly hôn với chị P; yêu cầu được quyền nuôi cháu Ngô Thị Bích N, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 26/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Trương Bích P và anh Ngô Bá L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Ngô Thị Bích N, sinh ngày 26/11/2013 cho anh Ngô Bá L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Chị P có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị P và anh L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị P và anh L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 22 tháng 5 năm 2017, chị Trương Bích P có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết cho chị được nuôi dưỡng con chung tên Ngô Thị Bích N, sinh ngày 26/11/2013, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, vì chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Trương Bích P không rút đơn khởi kiện, đơn kháng cáo; chị P và Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chị P cho rằng chị P có đủ các điều kiện về thu nhập ổn định, có chỗ ở hợp pháp để nuôi con chung và cháu Ngô Thị Bích N được chị P chăm sóc từ nhỏ, hiện nay cháu N đang sinh sống với chị vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần; yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết cho chị P được quyền nuôi con chung. Bị đơn anh Ngô Bá L không đồng ý đơn kháng cáo của chị P và cho rằng chị P không có đủ điều kiện nuôi con bằng anh L, vì chị P có thu nhập nhưng không ổn định, thời gian chăm sóc con không đảm bảo, có lúc còn đánh con trong khi dạy bảo; yêu cầu Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của chị Trương Bích P; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết.

Chị Trương Bích P và anh Ngô Bá L được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/3/2013. Do đó, khi có tranh chấp, thì Tòa án phải áp dụng khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình năm 2000, được sửa đổi, bổ sung năm 2010 để giải quyết vụ án mới đúng quy định của pháp luật. Nhưng cấp sơ thẩm lại áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án là chưa đúng, cần điều chỉnh cho phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nuôi con chung: Chị Trương Bích P và anh Ngô Bá L đều có đủ các điều kiện để nuôi con chung, vì chị P, Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chị P cũng như anh L đã chứng minh được mỗi bên đều có nghề nghiệp, nơi ở và thu nhập ổn định, nhất là anh L có thu nhập hơn chị P.

Tuy nhiên, xét về mặt tình cảm gắn bó, thời gian và điều kiện chăm sóc thì anh L không thể so sánh bằng chị P, vì: Cháu Ngô Thị Bích N, sinh ngày 26/11/2013, tính đến nay chưa đủ bốn tuổi, lại là giới nữ cần có sự trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy bảo tận tình và chu đáo của người mẹ, nhất là khi cháu bị ốm đau; còn việc chị P có hành vi đánh cháu N trong lúc nóng giận chỉ là nhất thời mà thôi chứ không phải là bản chất của chị P.

Mặt khác, chị P và anh L không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2014, thì cháu N được chị P chăm sóc, nuôi dưỡng, cho đi học đến nay vẫn phát triển bình thường về tinh thần, thể chất; trong khi đó, anh L thừa nhận chưa lần nào anh thể hiện trách nhiệm của người cha trong việc đóng góp phí tổn nuôi con chung và hiện nay cháu N đã có hộ khẩu thường trú chung với chị P, không nên làm xáo trộn cuộc sống của cháu N.

Cấp sơ thẩm cho rằng “Chị P bán hàng chợ đêm không đảm bảo thời gian chăm sóc con, thu nhập không ổn định và chị P có hành vi đánh con tác động xấu đến tâm lý cháu N” để quyết định giao cháu N cho anh L nuôi dưỡng là chưa đủ căn cứ vững chắc. Do đó, kháng cáo của chị P và ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chị P yêu cầu Tòa án chấp nhận cho chị P được quyền nuôi con chung là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chị Trương Thị Bích P tự nguyện không yêu cầu anh Ngô Bá L cấp dưỡng nuôi con chung, nên miễn xét.

[4] Trong phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần tài sản chung và nợ chung có ghi “các đương sự không có yêu cầu nên miễn xét” là không cần thiết, vì không phải là nội dung phải thi hành án.

Từ những nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất: Chấp nhận kháng cáo của chị Trương Bích P; không chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát; sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao con cho chị Trương Bích P nuôi dưỡng; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Án phí phúc thẩm, chị P không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 11, 90, 92 và Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn kháng cáo của chị Trương Bích P.

Sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2017/HNGĐ-ST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Trương Bích P và anh Ngô Bá L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Ngô Thị Bích N, sinh ngày 26/11/2013 cho chị Trương Bích P trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Ngô Bá L có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Ngô Thị Bích N, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Trương Bích P phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0003202 ngày 21/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Chị Trương Bích P còn phải nộp thêm 100.000đ (một trăm nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm, chị Trương Bích P không phải chịu 300.000 đồng. Hoàn trả lại cho chị P tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0007336 ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thành phố R;
- THA dân sự thành phố R;
- UBND phường A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Đào Văn Lung